

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-PT

Ngày: 21 - 9 - 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Ông Dương Viết Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2023/TLPT- DS, ngày 30/8/2023 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2023/DS - ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3050/2023/QĐ-PT, ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số F, ngõ B, đường Q, tổ dân phố D, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng V, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Số C, đường Q, tổ dân phố P, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Đặng Thị Minh T1, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Đăng V - Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, cũng như quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:*

Ngày 19/05/2017 anh Nguyễn Đăng V có mượn của anh T số tiền là 139.000.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu đồng chẵn), thời hạn trả tiền là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,5 %/tháng. Khoảng một tháng sau V đã trả cho anh T số tiền là: 19 triệu đồng tiền gốc và cam kết trong thời hạn 03 tháng sẽ trả hết số tiền nợ còn lại là 120.000.000 đồng, nhưng từ đó cho đến nay anh V không chịu trả cho anh T. Từ năm 2020 đến năm 2022 anh V trả cho anh T 80 triệu đồng tiền lãi (cụ thể: tháng 01/ 2020 trả 20.000.000 đồng tiền lãi; tháng 6/2021 trả 10.000.000 đồng tiền lãi; tháng 01/2022 trả 10.000.000 đồng tiền lãi; khoảng tháng 7/2022 trả 40.000.000 đồng tiền lãi). Đã nhiều lần anh T yêu cầu anh V trả số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu tuy nhiên anh V lấy lý do để trì hoãn việc trả tiền và còn thách thức anh T. Việc anh V không trả nợ cho anh T đã gây cho anh T rất nhiều khó khăn, thiệt hại vì số tiền trên anh T cũng đi vay mượn lại từ nhiều người khác. Việc vay mượn tiền không trả của anh V đã vi phạm pháp luật và trái với đạo đức lương tâm. Do vậy, anh T đề nghị Tòa án giải quyết như sau: Buộc anh Nguyễn Đăng V phải trả cho anh Nguyễn Quốc T số tiền gốc là 120.000.000 đồng và số tiền lãi là $(120 \text{ triệu đồng} \times 1,2\%/\text{tháng} \times 69 \text{ tháng} = 99.360.000 \text{ đồng})$ trừ 80.000.000 đồng anh V đã trả, số tiền lãi anh V còn nợ tiền lãi là: 19.360.000 đồng. Tổng cộng số tiền V phải trả cho anh T là 120.000.000 đồng + 19.360.000 đồng = 139.360.000 đồng, số tiền lãi anh V phải thanh toán cho đến ngày xét xử.

Tại bản tự khai, hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đăng V trình bày:

Đúng như anh T đã trình bày, từ tháng 9/2015 đến tháng 01/2017 do cần vốn kinh doanh nên anh có mượn tiền của anh T, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2.000 đồng – 3.000 đồng. Tháng 5/2017 do việc làm ăn đổ bể, những người nhờ anh V vay mượn tiền không có khả năng trả nợ, đến nay anh vẫn chưa thể thu hồi được, do đó anh T đề nghị anh trả số tiền gốc và lãi 139.000.000 đồng anh không đồng ý, vì anh đã trả cho anh T 100.000.000 đồng tiền gốc bao gồm cả 80.000.000 đồng; anh V cho rằng đã trả tiền lãi và 20.000.000 đồng tiền gốc trước đó, số tiền còn lại 39.000.000 đồng anh sẽ trả, tuy nhiên anh đề nghị Tòa án kéo thời gian để anh thu hồi nợ để trả cho anh T, còn ý kiến của anh T thì anh không đồng ý. Việc trả tiền gốc vợ anh V đã đưa lên, qua tin nhắn, trong hạn 07 ngày sẽ nộp các chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho lời nói của mình; nên anh T khởi kiện anh V và đòi lại số tiền ghi trong đơn là không phù hợp. Vì anh T đã lấy lại tiền gốc và một phần tiền lãi. Tóm lại, anh V còn nợ anh T 39.000.000 đồng, anh V cần thời gian để trả dần vì hiện tại chưa có việc làm ổn định.

Tại phiên hòa giải ngày 24/5/2023 và tại phiên tòa hôm nay anh V cho rằng hiện nay vì hoàn cảnh khó khăn nên anh V đề nghị được trả số tiền 80.000.000 đồng tiền gốc (đã trả) chứ không phải là 120.000.000 đồng, còn phần tiền lãi không có điều kiện để trả.

Người làm chứng, bà **Đặng Thị Minh T1** trình bày: Bà **T1** là mẹ ruột của anh **V**. Năm 2016 anh **V** có nói với bà **T1** về việc kết hợp làm ăn với anh **T**. Anh **T** bỏ vốn cho vay cứ 1.000.000 đồng thì tiền lãi 2.000 đồng, anh **V** lấy tiền anh **T** cho người khác vay 1.000.000 đồng lãi 1.000 đồng. Sau một thời gian những người vay không trả nên **V** phải trả lãi cho anh **T** dẫn đến bế nợ, nghiện hút, gia đình phải cho **V** đi cai nghiện ở Hà Nội 02 năm. Gia đình đã xoay xở trả cho anh **T** 80.000.000 đồng tiền gốc, không có khả năng trả lãi nhưng anh **T** không chịu. Nguyên vọng của gia đình xin được trả 80.000.000 đồng tiền gốc, không trả lãi.

Tại Bản án dân sự số: 34/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 157, 275, 276, 280, 357, 463, 464, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Quốc T***

*Buộc anh **Nguyễn Đặng V** phải có trách nhiệm trả nợ cho anh **Nguyễn Quốc T** tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/7/2023 là 144.976.000đ (trong đó tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi 24.976.000 đồng). Thời hạn thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực.*

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định.

Ngày 07/8/2023, anh **Nguyễn Đặng V** kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ bản án sơ thẩm, yêu cầu anh **T** cung cấp giấy tờ liên quan đến giao dịch tiền bạc giữa hai bên từ năm 2015 đến tháng 5/2017; Thực tế anh **T** đã thu hồi 20 triệu đồng tiền gốc và 2 triệu đồng tiền lãi trong hơn tháng (lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày) từ chị **Nguyễn Phương A** được anh bảo lãnh để vay tiền anh **T**; Yêu cầu anh **T** làm đúng thỏa thuận trong các cuộc gặp gỡ, qua điện thoại hoặc zalo từ năm 2020 đến nay giữa hai bên là số tiền đã trả từ năm 2017 phải được trừ vào số tiền gốc. Tức là 139 triệu trừ đi 100 triệu đồng, còn 39 triệu đồng là số tiền anh phải trả. Nếu anh **T** không đồng ý, anh **T** phải trả lại số tiền 80 triệu đồng đã nhận của mẹ và vợ anh từ năm 2020 đến nay; Anh **T** phải xin lỗi gia đình anh vì hành vi đe dọa gây áp lực vợ anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm và buộc bị đơn anh **Nguyễn Đăng V** trả nợ cho anh **Nguyễn Quốc T** cả gốc và lãi là 144.976.000 đồng (trong đó tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi 24.976.000 đồng). Đương sự chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại **thành phố Đ** nên Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền; Đơn kháng cáo của bị đơn anh **Nguyễn Đăng Vũ I** trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận để xét xử phúc thẩm; Về sự vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, các đương sự không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Theo giấy vay tiền ngày 19/5/2017 anh **Nguyễn Đăng V** có vay của anh **Nguyễn Quốc T** số tiền vay 139.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 19/5/2017 đến ngày 18/9/2017 lãi suất 1,5%/tháng; lãi quá hạn 2,5%/tháng. Giấy vay tiền được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có chữ ký của bên vay và bên cho vay, cả nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều thừa nhận, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hoặc ép buộc nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đều thừa nhận anh **V** có trả cho anh **T** 19.000.000 đồng tiền gốc. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh do đã được các bên thừa nhận theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù anh **V** kháng cáo cho rằng đã trả được 100 triệu đồng tiền gốc cho anh **T**, chỉ còn lại 39 triệu đồng nhưng không cung cấp được các chứng cứ, chứng minh, anh **T** không thừa nhận. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn anh **Nguyễn Đăng V** phải trả số tiền gốc đã vay còn lại 120.000.000 đồng cho nguyên đơn anh **Nguyễn Quốc T** là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về khoản tiền lãi: Xét yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn, trong giấy vay tiền ngày 19/5/2017 hai bên thỏa thuận anh **V** vay của anh **T** số tiền gốc 139.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, lãi suất quá hạn 2,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày vay. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi suất thỏa mãn các điều kiện của giao dịch dân sự theo Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết. Kể từ thời điểm cho vay đến nay, anh **V** đã trả được 19.000.000 đồng tiền gốc và khoản tiền 80.000.000 đồng anh

V xác định là tiền gốc nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Anh T xác định 80.000.000 đồng đó là tiền lãi, anh V trả nhiều đợt từ năm 2020 đến năm 2022 đã trả 80.000.000 đồng, anh T trình bày việc trả nợ lãi như trên không có văn bản. Theo thỏa thuận của hai bên và quy định của pháp luật thì bị đơn anh V phải có trách nhiệm trả lãi đối với số nợ gốc trên, quá trình thực hiện nghĩa vụ anh V mới trả được nợ gốc 19.000.000 đồng, còn số tiền 80.000.000 đồng mà bị đơn trả cho nguyên đơn nhiều đợt cần được xác định là tiền lãi và khấu trừ vào số tiền lãi mà bị đơn phải trả. Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 1,2%/tháng vì lý do hiện nay anh V đang gặp khó khăn, xét đây là sự tự nguyện của anh T, Bản án sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất được tính là 1,2%/tháng và tính thời gian đến ngày xét xử sơ thẩm 27/7/2023 là 72 tháng 27 ngày, cụ thể: $(120.000.000 \text{ đồng} \times 1,2 \% / \text{tháng} \times 72 \text{ tháng} 27 \text{ ngày}) = 104.976.000 \text{ đồng}$, trừ 80.000.000 đồng đã trả nên còn thiếu 24.976.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên không cung cấp thêm những tài liệu, chứng cứ gì mới làm thay đổi bản chất vụ án. Các nội dung kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đăng V, cần giữ nguyên toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[4] Án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Đăng V phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001640 ngày 11/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đăng V. Giữ nguyên toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Án phí: Bị đơn anh Nguyễn Đăng V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001640 ngày 11/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/9/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- TAND TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn